TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAI** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2024/DS-PT
Ngày: 12/3/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1/ Bà Bùi Thị Kim Dung

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên – Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 669/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 2243/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ánh V, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 1 Bis N, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 1 Bis N, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hoàng Thị Ánh V, bà Thân Thị T có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Việt H, sinh năm 1955

Địa chỉ: 1 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1961

Địa chỉ: A L, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Quang H2, ông Trần Văn T1 - Luật sư của Văn phòng L Nghệ An,

Cùng địa chỉ liên lạc: 10 L, Phường D, quận T, Tp ..

Ông Nguyễn Ngọc H1 có mặt. Ông Nguyễn Quang H2, ông Trần Văn T1 vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, lời khai của nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thân Thị T trình bày:

Ngày 30/01/2019, bà Hoàng Thị Ánh V và bà Vũ Việt H đã ký hợp đồng vay tiền, số tiền vay 04 tỷ đồng, thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 26/4/2019, lãi suất và thời hạn bên vay trả lãi cho bên bên cho vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật, việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện sau khi ký kết hợp đồng và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Hợp đồng vay tiền trên được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 0009255 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Ngày 26/4/2019, bà H viết giấy cam kết đến ngày 26/5/2019 sẽ thanh toán đầy đủ cho bà V, tuy nhiên quá thời hạn như cam kết nhưng bà H vẫn không trả nợ cho bà V. Do trễ hạn thanh toán đã lâu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật với số tiền vay 04 tỷ đồng và tiền lãi với lãi suất 2%/tháng, tạm tính đến ngày 06/9/2019 là 720.000.000đ; tổng cộng 4.720.000.000đ; ngoài ra bị đơn còn phải trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Vũ Việt H do ông Nguyễn Xuân T2 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020) có bản tự khai đề ngày 06/6/2020 trình bày:

Từ năm 2015, bà H sống ở Pháp có quen biết con của bà T nên khi về nước bà H đã vay tiền của bà T với lãi suất 10%/tháng. Từ tháng 11 năm 2017, bà H cần vay tiền để cho con trai làm ăn đã có văn bản thỏa thuận vay ngày 17/11/2017 với số tiền 2.500.000.000đ và ngày 25/11/2017 ký tiếp văn bản vay thêm 1.500.000.000đ; tổng cộng 4.000.000.0000đ. Ngày 30/01/2019, do chưa trả được tiền vay cho bà T nên bà T yêu cầu bà H ký hợp đồng vay tiền có công chứng tại Phòng Công chứng Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh với bà T, ông Hoàng Anh V1 và bà Hoàng Thị Ánh V gộp cả tiền gốc và lãi là 12 tỷ đồng. Cả 03 hợp đồng vay tiền này để hợp thức hóa các khoản vay của bà H với bà T, chứ bà H chưa bao giờ vay tiền của bà V; do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10/4/2023, Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 38/CCQ8 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Ngày 30/01/2019 bà Vũ Việt H (bên vay) có đến Văn phòng C yêu cầu công chứng hợp đồng vay tiền với bên cho vay là bà Hoàng Thị Ánh V, do bà V không thể đến ký hợp đồng cùng thời điểm nên bà H yêu cầu được ký trước vào hợp đồng. Ngày 01/02/2019, bên cho vay bà V đến Văn phòng C yêu cầu được ký vào hợp đồng vay tiền nêu trên. Người yêu cầu công chứng đã xuất trình đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật, Công chứng viên đã kiểm tra toàn bộ giấy tờ, tài liệu có liên quan đến yêu cầu công chứng, xác định yêu cầu công chứng và các giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu công chứng cung cấp đúng, đủ theo quy định pháp luật nên đã thực hiện việc chứng nhận hợp đồng vay tiền theo số công chứng 000955, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2019 và 01/02/2019. Tại thời điểm công chứng, người yêu cầu có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định pháp luật, tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đã đọc lại, hiểu rõ, đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng và đã ký vào hợp đồng, đồng thời tự nguyện điểm chỉ vào bản lưu hồ sơ công chứng trước sự chứng kiến của Công chứng viên. Công chứng viên Văn phòng C đã thực hiện việc chứng nhận hợp đồng vay tiền nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ánh V.

2. Buộc bà Vũ Việt H phải trả cho bà Hoàng Thị Ánh V số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng số 000955, Quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01 và 01/02/2019, bao gồm:

- Nợ gốc là 4.000.000.000đ *(Bốn tỷ đồng)*;

- Nợ lãi: 1.700.000.000đ *(Một tỷ bảy trăm triệu đồng);*

Tổng cộng: 5.700.000.000đ *(Năm tỷ bảy trăm triệu đồng).*

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, bà Vũ Việt H có đơn kháng cáo đối với Bản án số 414/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 07 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuyên án, người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Việt H có mặt tại thời điểm tuyên án. Ngày 11 tháng 9 năm 2023, bà H có đơn kháng cáo đối với Bản án số 414/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Do đó, đơn kháng cáo của bà Vũ Việt H còn trong thời hạn theo luật định nên hợp lệ.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người gia tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Quang H2, ông Trần Văn T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có đơn xin vắng mặt. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 không có ý kiến và đồng ý xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Vũ Việt H và ông Nguyễn Hữu H3 ly hôn theo Bản án số 73/LH ngày 23 tháng 7 năm 2003 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Quyết định số 05/CNRKC ngày 02 tháng 01 năm 2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Giao dịch vay tiền giữa bà Hoàng Thị Ánh V và bà H được thực hiện vào năm 2019. Do đó, không xem xét trách nhiệm của ông H3 trong giao dịch vay tiền giữa bà V và bà H, nên không cần thiết đưa ông H3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Việt H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 30/01/2019 và ngày 01/02/2019, bà Vũ Việt H và bà Hoàng Thị Ánh V đã ký Hợp đồng vay tiền được công chứng số 000955, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung hợp đồng

thỏa thuận số tiền vay là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng, thời hạn hợp đồng bắt đầu từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 26/4/2019.

Ngày 26/4/2019, bà Vũ Việt H đã viết giấy cam kết trả nợ, nội dung giấy cam kết thể hiện: Vào ngày 30/01/2019, bà H có làm hợp đồng vay tiền của bà Hoàng Thị Ánh V số tiền là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh và hẹn đến ngày 26/4/2019 sẽ thanh toán nhưng do thu xếp chưa được nên xin hẹn tới ngày 26/5/2019 sẽ thanh toán đầy đủ, bà H đưa ra phương án để trả nợ là bán mảnh đất ở Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và phần tài sản được thừa kế tại số B P, quận B, Thành phố Hà Nội. Như vậy, việc bà V cho rằng có giao tiền cho bà H là có căn cứ và nghĩa vụ trả nợ của bà H cũng đã được bà H tự xác định trong giấy cam kết nêu trên.

Bà Vũ Việt H cho rằng việc bà H vay tiền của bà Hoàng Thị Ánh V là không có thật, bà H chỉ ký hợp đồng vay tiền chứ thực tế bà H không nhận tiền từ bà V nhưng lời trình bày của bà H không được bà V thừa nhận và mâu thuẫn với giấy cam kết bà H đã viết vào ngày 26/4/2019 cũng như mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bà H cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Ánh V, buộc bà Vũ Việt H trả tiền nợ gốc và lãi cho bà V là có căn cứ.

Số tiền bà Hoàng Thị Ánh V cho bà Vũ Việt H vay là tài sản riêng của bà V nên cấp sơ thẩm buộc bà H trả tiền cho bà V là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Việt H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Việt H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Luật Người cao tuổi 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Vũ Việt H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 414/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Thông báo sửa chữa bổ sung số 117/2023/QĐ-SCBSBA ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu do bà Vũ Việt H thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Quy